

Bản án số: 95/2026/DSST

Ngày: 10/8/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng và bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST- DS ngày 12 tháng 03 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/QĐXXST-DS ngày 06/7/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐST-DS ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phan Hoàng L** – sinh năm 1995; ĐKTT: khu phố D, phường X, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: A N, phường X, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Vũ B** – sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Hoàng L trình bày:

Vào ngày 01/04/2025, ông Nguyễn Vũ B có vay của ông Phan Hoàng L số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay 05 tháng. Lãi suất hai bên thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng. Mục đích vay theo lời ông B nói là làm ăn kinh doanh. Việc vay tiền có giấy vay tiền do ông B ký tên. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông B phải trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Ông B phải trả cho ông L toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trong vòng 05 (năm) tháng (tức đến ngày 01/9/2025) là hoàn tất nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay, ông Nguyễn Vũ B chỉ mới trả cho ông L một tháng tiền lãi của tháng 4/2025 là 2.000.000 đồng (trả tiền mặt vào khoảng tháng 6/2025). Từ đó đến nay, ông B không hoàn trả cho ông L bất kỳ khoản tiền nào. Đến nay đã quá hạn trả nợ, ông L đã nhiều lần liên lạc và đến nhà ông B để yêu cầu trả nợ nhưng ông B không trả mà còn trốn tránh việc

trả nợ. Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Vũ B phải trả cho ông L số tiền 79.668.000 đồng, trong đó gồm: 63.000.000 đồng tiền đến hạn trả nợ ngày 01/9/2025 (tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 05 tháng, lãi suất được tính 20%/năm là 5.000.000 đồng, ông B đã trả 2.000.000 đồng nên ông Nguyễn Vũ B còn phải trả 3.000.000 đồng lãi trong hạn); tiền lãi đối với tiền gốc quá hạn chưa trả từ ngày 02/9/2025 đến ngày 10/8/2026 là 16.668.000 đồng ($60.000.000đ \times 20\%/năm \times 338 \text{ ngày} \times 150\%$). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Vũ B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

- TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Vũ B nhưng ông B không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự (BLDS), khoản 2 Điều 5, Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ B phải trả cho nguyên đơn ông Phan Hoàng L nợ gốc 59.000.000 đồng, nợ lãi tính trong hạn chưa trả 04 tháng theo thỏa thuận và lãi chậm trả tính từ ngày 02/9/2025 đến ngày xét xử; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay theo giấy vay tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại tổ dân phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 BLTTDS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn ông Nguyễn Vũ B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông B đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông L. Tuy nhiên, ông B không đến Tòa. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông B biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng ông B không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Vì vậy, Tòa căn cứ lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn; đối chiếu giấy vay tiền (Bút lục số 27) do ông Phan Hoàng L cung cấp có chữ ký của ông Nguyễn Vũ B được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: Ngày 01/04/2025, ông Nguyễn Vũ B có vay của ông Phan Hoàng L số tiền là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay 05 tháng; tuy nhiên, quá thời hạn 05 tháng nhưng ông B không trả nợ theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho ông L biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của BLDS. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày giữa các đương sự có thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng (tương đương 3,33%/tháng, tương ứng 40%/năm), nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi của tháng 4/2025 sau đó không trả nữa.

Xét thấy: mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 468 BLDS, HĐXX áp dụng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm để làm căn cứ tính lãi suất. Phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực được trừ vào tiền gốc.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 9 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.” Lãi suất được tính lại cụ thể như sau:

Số tiền vượt quá là $2.000.000 - (60.000.000đ \times 20\%):12 = 1.000.000$ đồng được trừ vào số tiền gốc: $60.000.000 - 1.000.000$ đồng còn 59.000.000 đồng. Từ đó HĐXX có căn cứ chấp nhận việc ông Nguyễn Vũ B còn nợ lại ông Phan Hoàng L số tiền gốc là 59.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn: Xét Hợp đồng vay ngày 01/4/2025 là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi: Khi đến hạn trả nợ vào ngày 01/9/2025, ông B không trả nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 470 BLDS nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn và buộc ông B phải trả lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 BLDS. Cụ thể như sau:

+ Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay từ ngày 01/4/2025 đến ngày 01/9/2025: Lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng 3,33%/tháng, tương ứng 40%/năm là vượt quá mức lãi suất giới hạn 20%/năm nên áp dụng khoản 1 Điều 468 BLDS điều chỉnh lại lãi suất là 20%/năm. Như vậy tiền lãi thỏa thuận trong hợp đồng 05 tháng, bị đơn đã trả 01 tháng nên số tiền lãi được tính là: $59.000.000đ \times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng} = 3.933.333đ$.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (Nợ gốc quá hạn chưa trả là 59.000.000 đồng) $\times 150\% \times$ (Lãi suất 20%/năm) $\times$ (Thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 02/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2026 là 11 tháng 08 ngày, tương đương 338 ngày) = 16.390.685đ.

Tổng cộng tiền gốc và lãi của Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi ngày 01/4/2025 nguyên đơn khởi kiện buộc ông Nguyễn Vũ B phải thanh toán được chấp nhận là: $59.000.000đ + 3.933.333đ + 16.390.685đ = 79.324.018đ$.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là $79.324.018đ \times 5\% = 3.966.201đ$. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận ($79.668.000đ - 79.324.018đ = 343.982đ$) là 300.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp 1.657.500 đồng tiền tạm ứng án phí nên được khấu trừ và hoàn lại 1.357.500 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hoàng L.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ B phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phan Hoàng L số tiền nợ vay là 79.324.018đ (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm mười tám đồng*) (trong đó nợ gốc là 59.000.000đ, nợ lãi là 20.324.018đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/8/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Vũ B phải chịu 3.966.201đ (*Ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Hoàng L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 1.657.500đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002477 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho ông Phan Hoàng L số tiền 1.357.500đ (*Một triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền